

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 24-4-2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Ông Lê Văn Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:

Bà Lữ Thị Xuân Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số:07/2023/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:326/2022/HNGĐ-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1986, có mặt.

Nơi cư trú: Khu phố Gò C, thị trấn Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế V- Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV Nam Luật- Đoàn luật sư tỉnh Bình Định, có mặt.

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1984, có mặt.

Nơi cư trú: Khu phố Gò C, thị trấn Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, Bình Định,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập

Chị Lê Thị Quý Tr- SN:1985, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 185 Hùng V, thị trấn Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1- Quỹ Tín dụng nhân dân Phú C

Địa chỉ trụ sở: 50 Quang Tr, Khu phố Gia Ch 2, thị trấn Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc, vắng mặt(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2- Ngân hàng Chính sách xã hội-Phòng giao dịch huyện Hoài Ân.

Địa chỉ trụ sở: 14 Lê D, thị trấn Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, Bình Định.

Đại diện hợp pháp: Ông Tô Hoài V-Phó Giám đốc phòng giao dịch, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3- Ủy ban nhân dân thị trấn Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định

Địa chỉ trụ sở: 24 Quang Tr, khu phố Gia Ch 2, thị trấn Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thuý V - Công chức Địa chính UBND thị trấn Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, Bình Định, vắng mặt(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 14/2/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Quang V trình bày:*

Anh và chị Lê Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/3/2006 tại UBND thị trấn Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân. Năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn chị Lê Thị H.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 04/10/2006 và Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 07/11/2012, sức khỏe bình thường. Ly hôn, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Lê Trà M, tự nguyện giao con Nguyễn Lê Gia B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

-Tài sản chung gồm:

+Nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền thửa đất số: 840, tờ bản đồ số 03, diện tích 107m², tại khu phố Gò Cau, thị trấn Tăng Bạt H đứng tên Nguyễn Quang V và Lê Thị H, vào sổ cấp sổ: CH01242 ngày 04/5/2013 của UBND huyện Hoài Ân.

+Tài sản là vật dụng gia đình gồm: 01 ti vi + loa hiệu Sony, 01 tủ lạnh Funky, 01 máy giặt Panasonic, 01 bộ bàn + ghế sa lon gỗ, 01 quạt cánh thường.

+ 01 Xe tải BKS 77C-201.78 hiệu Brand (KIA), đứng tên Nguyễn Quang V.

+Xe máy 02 bánh BKS 77K1 – 314.33, hiệu Vison, đứng tên Nguyễn Quang V.

+Xe máy 02 bánh BKS 77-K1-095.17, đứng tên Lê Thị H.

+ Cây ăn trái gồm: 02 cây Chanh, 30 cây Bưởi, 60 cây mít.

- Nợ chung gồm:

+Chị Lê Thị Quí Tr 55.252.000đồng

+Quỹ Tín dụng nhân dân Phú C 100.000.000đồng

Tổng cộng nợ chung:155.252.000đồng

Yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung theo giá của Hội đồng định giá tài sản, mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung.

- Bị đơn chị Lê Thị H trình bày:

Thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như anh Nguyễn Quang V trình bày là đúng, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V.

+ Về con chung và nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Quang V có hai con chung là Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 04/10/2006 và Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 07/11/2012, sức khỏe bình thường. Ly hôn, thống nhất giao con Nguyễn Lê Trà M cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị nhận trực tiếp nuôi con Nguyễn Lê Gia B, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản, nợ chung: Thống nhất số tài sản chung và nợ chung như anh Vinh trình bày. Yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung theo giá của Hội đồng định giá tài sản, đồng ý trả $\frac{1}{2}$ giá trị số nợ chung là 77.626.000đồng(155.252.000đ/2). Riêng khoản nợ 50.000.000đ vay Ngân hàng CS-XH Phòng giao dịch huyện Hoài Ân năm 2021 là nợ riêng của chị, đồng ý trả số nợ riêng này khi đến hạn vay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

+ Chị Lê Thị Quí Tr trình bày: Hiện nay vợ chồng anh V, chị H nợ của chị số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 55.252.000 đồng, yêu cầu vợ chồng anh V, chị H trả nợ khi ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Đại diện Quỹ Tín dụng nhân dân Phú C, ông Nguyễn Văn H trình bày: Ngày 05/3/2020 ông V, bà H vay của Quỹ Tín dụng nhân dân Phú C 200.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay là 36 tháng. Đến tháng 3/2022 ông V bà H đã trả 100.000.000đồng, còn nợ 100.000.000 đồng, tiền lãi khách hàng vẫn trả đều. Do hợp đồng vay chưa đến hạn nên Quỹ Tín dụng nhân dân Phú C không khởi kiện yêu cầu độc lập. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định.

+ Đại diện Ngân hàng CS-XH Phòng giao dịch huyện Hoài Ân, ông Tô Hoài V trình bày: Năm 2018 ông V, bà H vay của Ngân hàng CS-XH Phòng giao dịch Hoài Ân số tiền 100.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích chăn nuôi. Sau đó do vợ chồng mâu thuẫn nên ông V, bà H có đến làm thủ tục chia đôi số tiền nợ vay nêu trên.Năm 2021 ông V đã trả đủ 50.000.000 đồng, bà H còn nợ. Đến tháng 4/2021, bà H có trả đủ 50.000.000 đồng, đồng thời độc lập một mình vay lại 50.000.000 đồng. Hiện nay, hợp đồng vay này chưa đến hạn trả nợ, khách hàng vẫn trả lãi đều. Cho nên, Ngân

hàng CS-XH Phòng giao dịch huyện Hoài Ân không khởi kiện yêu cầu độc lập đối với số nợ trên, yêu cầu Tòa án giao trách nhiệm cho một người trả nợ khi đến hạn.

+ Đại diện UBND thị trấn Tăng Bạt H chị Lê Thị Th V trình bày: Về phần đất sau nhà của anh V, chị H đã trồng cây ăn trái là đất do UBND thị trấn Tăng Bạt H quản lý, Tòa án giải quyết tài sản trên đất theo quy định, UBND thị trấn Tăng Bạt H không có ý kiến gì.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số:326/2022/HNGĐ-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 59, 81, 82, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang V và chị Lê Thị H.

Công nhận sự thỏa thuận của các bên: Anh V nhận nuôi dưỡng con Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 04/10/2006; chị H nhận nuôi dưỡng con Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 07/11/2012. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng; các bên được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.1. Về tài sản: Giao anh V nhận sở hữu ngôi nhà xây (01 nhà N6, 01 nhà N9), 01 chuồng heo C4, 01 mái hiên N19; 01 giếng nước N14 xây dựng trên thửa đất số 840, tờ bản đồ số 03.

- Quyền sử dụng đất ở thửa đất số 840, tờ bản đồ số 03, diện tích 107m².

- 01 xe tải BKS 77C-201.78 hiệu Brand (KIA), loại xe Type (tải có mui), màu sơn xanh, trọng tải hàng hóa 1.150 tên Nguyễn Quang V; 01 xe máy 02 bánh BKS 77-K1-095.17, có số khung 5C6H-050313, số máy 030409, màu sơn đen đỏ, hiệu Yamaha Siriustên Lê Thị H; 02 cây Chanh, 30 cây Bưởi, 60 cây Mít trên đất sau nhà với tổng giá trị 508.304.460đồng.

Anh V phải trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân Phú C 100.000.000đồng khi đến hạn; trả cho Lê Thị Quý Tr 55.252.000đồng. Anh V thối trả tiền chênh lệch chia tài sản cho chị H 163.226.230đồng.

1.2. Giao chị H nhận sở hữu tài sản gồm: 01 ti vi Sony + loa, 01 tủ lạnh Funky, 01 máy giặt Panasonic, 01 bộ bàn + ghế salon gỗ, 01 quạt cánh thường; 01 xe máy 02 bánh BKS 77K1-314.33, hiệu Vison, màu sơn trắng, cấp cho Nguyễn Quang V bằng

tổng giá trị 26.600.000 đồng. Chị H nhận tiền chênh lệch chia tài sản do anh V giao 163.226.230đồng.

Chị H có trách nhiệm trả nợ riêng cho Ngân hàng CS-XH chi nhánh phòng giao dịch Hoài Ân 50.000.000đồng khi đến hạn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí định giá tài sản, án phí, quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2023 bị đơn chị Lê Thị H kháng cáo yêu cầu chia lại tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn chị Lê Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu chia lại tài sản chung, cách chia cụ thể: Chia đôi giá trị tài sản chung, chị nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền thửa đất số: 840, tờ bản đồ số 03, diện tích 107m² (01 nhà N6, 01 nhà N9, 01 chuồng heo C4, 01 mái hiên N19; 01 giếng nước N14), tại khu phố Gò Cau, thị trấn Tăng Bạt Hổ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, vào sổ cấp số:CH01242 ngày 04/5/2013 của UBND huyện Hoài Ân và 01 xe máy biển kiểm soát: 77K1-314.33 hiệu Vision, đứng tên Nguyễn Quang V. Anh V nhận các tài sản chung còn lại gồm: Xe tải biển kiểm soát: 77C-201.78 hiệu Brand (KIA) đứng tên Nguyễn Quang V; tài sản là vật dụng gia đình; xe máy biển kiểm soát 77-K1-095.17 đứng tên Lê Thị H; cây ăn trái. Chị thanh toán lại cho anh Vinh chênh lệch giá trị mỗi người được nhận theo giá của Hội đồng định giá tài sản. Về nghĩa vụ trả nợ chung: chị nhận trả ½ các khoản nợ chung là 77.626.000đồng (Trong đó: chị Lê Thị Quý T 27.626.000đồng, Quỹ Tín dụng nhân dân Phú C 50.000.000đồng; riêng khoản nợ Ngân hàng CS-XH phòng giao dịch huyện Hoài Ân 50.000.000đ là nợ riêng của chị không tính).

Anh V cũng yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền thửa đất số: 840, tờ bản đồ số 03 nêu trên; nhận trả hết số nợ chung là 155.252.000đ(chị Lê Thị Quý T 55.252.000đ, Quỹ Tín dụng nhân dân Phú C 100.000.000đ) và thanh toán lại cho chị H chênh lệch giá trị tài sản mỗi người được nhận theo giá của Hội đồng định giá tài sản.

Giữa anh V và chị Hà thống nhất: Nguồn gốc thửa đất thửa số 840, tờ bản đồ số 03, diện tích 107m² nêu trên là cha mẹ ruột anh V cho anh V chị H, các tài sản còn lại là do anh V chị H tạo lập.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về nguồn gốc quyền sử dụng thửa đất số 840, tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, vào sổ cấp số:CH01242 ngày 04/5/2013 của UBND huyện Hoài Ân là cha mẹ ruột anh V tặng cho vợ chồng anh V chị H. Còn nhà và tài sản khác là do vợ chồng anh V chị H tạo lập. Cho nên việc cấp sơ thẩm giao cho anh V quyền quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với thửa đất nêu trên và các tài sản khác, đồng thời có nghĩa vụ trả hết số nợ chung và thanh toán lại cho chị H chênh

lệch giá trị tài sản chung được nhận theo giá của Hội đồng định giá tài sản 163.226.230đ là đã tính đến công sức đóng góp, điều kiện quản lý sử dụng tài sản được chia.

Về án phí:

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bản án sơ thẩm chỉ buộc anh V chịu 150.000đ mà không buộc chị H chịu án phí là chưa đúng quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung:

Anh V chị H mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung là 77.626.000đồng, giá trị tài sản mỗi người được nhận sau khi trả hết các khoản nợ chung là 189.826.230đồng(534.904.460đ -155.252.000đ)/2. Nên, anh V chị H mỗi người phải chịu án phí trả nợ chung là 3.881.300đồng và án phí chia tài sản chung là 9.491.300đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Quý T, nhưng bản án sơ thẩm không tuyên trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí 1.381.300đồng là chưa đúng quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị H. Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 326/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định về phần án phí.

Ông Nguyễn Thế V là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Quang V trình bày: Việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh V quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số: 840, tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, vào sổ cấp số: CH01242 ngày 04/5/2013 của UBND huyện Hoài Ân; 01 xe tải biển kiểm soát: 77C-201.78 hiệu Brand (KIA) đứng tên Nguyễn Quang V, xe máy biển kiểm soát 77-K1-095.17 đứng tên Lê Thị H và cây ăn trái. Anh V có nghĩa vụ trả hết số nợ chung và thanh toán lại cho chị H chênh lệch giá trị tài sản được nhận là đã là đã tính đến công sức đóng góp hình thành tài sản quyền sử dụng đất và điều kiện quản lý sử dụng tài sản chung được chia. Mặc khác, anh V là con trai lớn trong gia đình, nên nhà đất trên là nơi thờ cúng sau này. Vì vậy, đề nghị HDXX không chấp nhận kháng cáo chia lại tài sản chung của bị đơn chị Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]Về pháp luật tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Lê Thị Quý T, đại diện hợp pháp Quý Tín dụng nhân dân Phú C, đại diện hợp pháp Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Hoài Ân và đại diện hợp

pháp UBND thị trấn Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng không hoãn phiên tòa mà vẫn tiến hành xét xử quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu chia lại tài sản chung của chị Lê Thị H và kết quả định giá tài sản ngày 13/5/2022, HĐXX thấy rằng: Quyền sử dụng thửa đất số 840, tờ bản đồ số 03, diện tích 107m², giá trị 353.100.000đ có nguồn gốc là cha mẹ ruột anh V tặng cho anh V chị H. Nhà và tài sản khác gắn liền với thửa đất nêu trên là tài sản do anh V chị H cùng tạo lập, có giá trị 101.410.460đ. Các tài sản chung còn lại: Xe tải biển kiểm soát: 77C-201.78 hiệu Brand (KIA) là phương tiện vận tải đứng tên Nguyễn Quang V, giá trị: 40.000.000đ; cây ăn trái phía sau nhà trồng trên đất do UBND thị trấn Tăng Bạt H quản lý, giá trị: 7.794.000đ; 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 77-K1-095.17 đứng tên Lê Thị H, giá trị 6.000.000đ; 01 xe máy biển kiểm soát: 77K1-314.33, đứng tên Nguyễn Quang V, giá trị 20.000.000đ và vật dùng trong gia đình, giá trị 6.600.000đ. Tổng giá trị tài sản chung là: 534.904.460đồng. Anh V chị H có nợ chung là 155.252.000đồng. Nên, sau khi trả các khoản nợ chung anh Vinh chị Hà mỗi người được nhận là 189.826.230đồng(534.904.460đ -155.252.000đ)/2.

Việc, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh V quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (01 nhà N6, 01 nhà N9, 01 chuồng heo C4, 01 mái hiên N19; 01 giếng nước N14), tại khu phố Gò Cau, thị trấn Tăng Bạt H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, vào sổ cấp số: CH01242 ngày 04/5/2013 của UBND huyện Hoài Ân và các tài sản khác gồm: Xe tải biển kiểm soát: 77C-201.78, cây ăn trái sau nhà, 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 77-K1-09517, đồng thời có nghĩa vụ trả hết nợ chung là 155.252.000đ và thanh toán lại cho chị H chênh lệch giá trị tài sản được nhận là 163.226.230đồng. Chị Hà nhận sở hữu các tài sản gồm: 01 xe máy biển kiểm soát: 77K1-314.33, đứng tên Nguyễn Quang V, giá trị 20.000.000đồng; vật dùng trong gia đình, giá trị 6.600.000đồng và số tiền chênh lệch giá trị tài sản do anh V thanh toán lại là 163.226.230đồng, tổng giá trị được nhận là 189.826.230đồng(20.000.000đồng + 6.600.000đồng +163.226.230đồng) là đã tính đến công sức đóng góp giá trị quyền sử dụng đất và điều kiện quản lý sử dụng tài sản được chia.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Anh V chị H thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% mức án phí. Bản án sơ thẩm chỉ buộc anh V chịu 150.000đ mà không buộc chị H chịu án phí là chưa đúng quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Anh V chị H mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung là 77.626.000đồng, giá trị tài sản mỗi người được nhận sau khi trả hết các khoản nợ chung là 189.826.230đồng(534.904.460đ - 155.252.000đ)/2. Nên, anh V chị H mỗi người phải chịu 13.372.600đồng án phí chia tài sản chung, trả nợ chung. Quyết định của bản án sơ thẩm buộc anh V chị H mỗi người chịu 10.872.599 đồng án phí chia tài sản chung là chưa đúng quy định pháp luật.

Tổng cộng án phí sơ thẩm anh V phải chịu 13.522.600đồng(150.000đ +

13.372.600đ), được trừ vào 600.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0010490 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, nên anh V còn phải nộp 12.922.600đồng. Chị H phải chịu án phí là 13.522.600đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Quý T, nhưng bản án sơ thẩm không tuyên trả lại 1.381.300đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0010750 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án huyện Hoài Ân là chưa đúng quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo yêu chia lại tài sản chung của bị đơn chị Lê Thị H. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 326/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định về phần án phí.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị Lê Thị H không được chấp nhận nên chị Lê Thị H phải chịu án phí phúc thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, 37, 55, 58, 59, 60, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị H về yêu cầu chia lại tài sản chung, giữ nguyên phần quyết định về chia tài sản chung; sửa bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 326/2022/HNGĐ-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định về phần án phí.

1.1 Anh Nguyễn Quang V được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền thửa đất số: 840, tờ bản đồ số 03, diện tích 107m² (01 nhà N6, 01 nhà N9, 01 chuồng heo C4, 01 mái hiên N19; 01 giếng nước N14), tại khu phố Gò Cau, thị trấn Tăng Bạt Hổ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, vào sổ cấp số: CH01242 ngày 04/5/2013 của UBND huyện Hoài Ân, giá trị 454.510.460đồng (Quyền sử dụng đất: 353.100.000đ, Nhà tài sản khác gắn liền với đất: 101.410.460đ).

Anh Nguyễn Quang V được quyền sở hữu: 01 xe tải BKS 77C-201.78 hiệu Brand (KIA), loại xe Type (tải có mui), màu sơn xanh, trọng tải hàng hóa 1.150 tên

Nguyễn Quang V; 01 xe máy 02 bánh BKS 77-K1-095.17, có số khung 5C6H-050313, số máy 030409, màu sơn đen đỏ, hiệu Yamaha Sirius tên Lê Thị H; 02 cây Chanh, 30 cây Bưởi, 60 cây Mít trên đất sau nhà, với giá trị: 53.794.000đồng.

Đồng thời anh Nguyễn Quang V có nghĩa vụ trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân Phú C 100.000.000đồng khi đến hạn; trả cho Lê Thị Quý T 55.252.000đồng và thanh toán lại tiền chênh lệch chia tài sản chung cho chị Lê Thị H 163.226.230đồng(Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi đồng).

1.2 Chị Lê Thị H nhận sở hữu:

Tài sản gồm: 01 ti vi Sony + loa, 01 tủ lạnh Funky, 01 máy giặt Pansonic, 01 bộ bàn + ghế salon gỗ, 01 quạt cánh thường; 01 xe máy 02 bánh BKS 77K1-314-33, hiệu Vison, màu sơn trắng, cấp cho Nguyễn Quang V và 163.226.230đồng tiền chênh lệch chia tài sản chung anh V thanh toán lại, tổng giá trị: 189.826.230đồng.

Chị H có nghĩa vụ trả nợ riêng 50.000.000đồng cho Ngân hàng CS-XH phòng giao dịch huyện Hoài Ân khi đến hạn.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Quang V phải chịu 13.522.600đồng(Trong đó: án phí HNGĐ: 150.000đ, án phí chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: 13.372.600đ), nhưng được trừ vào 600.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004631 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, nên anh V còn phải nộp 12.922.600đồng(Mười hai triệu chín trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

- Chị Lê Thị H phải chịu 13.522.600đồng(Trong đó: án phí HNGĐ: 150.000đ, án phí chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: 13.372.600đ)

- Trả lại cho chị Lê Thị Quý T 1.381.300 đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0010750 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Ân

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010840 ngày 18/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Ân(chị H đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- TAND huyện Hoài Ân;
- Chi cục THADS huyện Hoài Ân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đã ký****Nguyễn Văn Hiệp**

